

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 207/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 16-9-2019

“V/v xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Thẩm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Minh Bền

Ông Huỳnh Hoàng Khởi

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Đình Chương - Là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 16 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 674/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 08 năm 2019, về việc xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 655/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Hồng M - sinh năm 1988 (có mặt).

Địa chỉ: Số 26/39B, đường Đ, khóm 5, phường 4, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T - sinh năm 1982 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Đường N, khóm 3, phường 4, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Nguyễn Hồng M trình bày:

Về hôn nhân: Chị M và anh Nguyễn Văn T tổ chức đám cưới, chung sống với nhau từ năm 2006, hôn nhân tự nguyện, không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Chị M và anh T đã sống ly thân từ cuối năm 2007 đến nay. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, nên chị M yêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Chị M và anh T có 01 người con chung tên Nguyễn Ngọc Khánh B, sinh ngày 09/6/2007, hiện cháu B đang sống với chị M. Khi ly hôn chị M yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị M xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Anh T và chị Nguyễn Hồng M tổ chức đám cưới, chung sống với nhau từ năm 2006, hôn nhân tự nguyện, không có đăng ký kết hôn theo quy

định pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, cụ thể là bất đồng quan điểm sống. Anh T và chị M đã sống ly thân từ năm 2007 đến nay. Nay chị M yêu cầu xin ly hôn với anh T, anh T đồng ý.

Về con chung: Anh T và chị M có 01 người con chung tên Nguyễn Ngọc Khánh B, sinh ngày 09/6/2007, hiện cháu B đang sống với chị M. Khi ly hôn, anh T đồng ý giao cháu B cho chị M nuôi, anh T không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Nguyễn Hồng M và anh Nguyễn Văn T thống nhất xác định: Anh, chị tổ chức đám cưới và chung sống với từ năm 2006, nhưng không có đăng ký kết hôn theo qui định pháp luật. Do mâu thuẫn vợ chồng nên cuối năm 2007 chị M và anh T đã sống ly thân cho đến nay. Nhận thấy cuộc sống chung không còn hạnh phúc nên chị M xin ly hôn với anh T, anh T đồng ý. Xét việc chị M và anh T thống nhất ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, nhưng do hôn nhân của anh, chị không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nên Hội đồng xét xử không tuyên bố cho chị M ly hôn với anh T mà cần tuyên bố không công nhận chị Nguyễn Hồng M và anh Nguyễn Văn T là vợ chồng.

[2] Chị M và anh T có 01 người con chung tên Nguyễn Ngọc Khánh B, sinh ngày 09/6/2007. Khi ly hôn chị M yêu cầu được nuôi cháu B, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, anh T đồng ý. Xét yêu cầu của chị M được anh T chấp nhận, phù hợp với nguyện vọng của con chung và phù hợp với quy định pháp luật được chấp nhận, cần giao cháu B cho chị M trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[3] Chị M và anh T xác định anh, chị không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều: 9, 14, 53, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Hồng M và anh Nguyễn Văn T là vợ chồng.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Khánh B, sinh ngày 09/6/2007 cho chị Nguyễn Hồng M trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Nguyễn Hồng M phải chịu 300.000 đồng. Ngày 02/8/2019, chị M có nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng, theo biên lai thu số 0000539 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau, được chuyển thu sung quỹ nhà nước.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND Tp. Cà Mau;
- Chi cục THADS Tp Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Hồng Thắm